

Bản án số: 42/2023/HS-PT

Ngày: 02/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mên

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLPT-HS ngày 27/6/2023 đối với các bị cáo Thái Văn V, Nguyễn Trí N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Thái Văn V**, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: số 580A, khóm A, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn T, sinh năm 1959 và bà Triệu Thị Thu H, sinh năm 1959, có vợ và 01 người con; tiền án: bị cáo có 02 tiền án, ngày 27/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 23/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 14/6/2021; tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh đối với một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Trí N**, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1997, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Võ Thị Th, sinh năm 1974,

Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án, ngày 26/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 11/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt là 04 năm tù. Ngày 18/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong 04/7/2021; tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh đối với một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi chấp hành xong án phạt tù, bị cáo V và bị cáo N không có việc làm ổn định. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo V gặp bị cáo N bàn bạc với nhau đi tìm và lấy tài sản của người khác bán chia nhau tiêu xài (làm cách nào để lấy được tài sản đều được).

Đến khoảng 09 giờ ngày 22/9/2022, bị cáo V gọi điện thoại cho bị cáo N hỏi “đi làm hay không” tức là đi tìm tài sản của người khác để sơ hở sẽ lấy (như kế hoạch đã bàn trước đó) thì bị cáo N đồng ý. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo N điều khiển xe mô tô của bị cáo N (xe gắn biển số 84G1-632.05) đến nhà trọ Q thuộc khóm A, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để rước bị cáo V (vì Vinh đang ở trọ tại đây). Lúc này, bị cáo V điều khiển xe mô tô gắn biển số 84G1-632.05 chở bị cáo N đi xung quanh địa bàn thành phố T tìm tài sản nhưng không có nên V điều khiển xe đi hướng từ cầu B về xã U, huyện C. Khi đến hẻm đường đaml thuộc ấp Đ, xã U, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì Vinh điều khiển xe vào hẻm một đoạn khoảng 200 mét, bị cáo V dừng xe và kêu bị cáo N đứng đợi, bị cáo V đi bộ vào trong tìm tài sản để lấy. Bị cáo N quay đầu xe lại và ngồi trên xe đợi bị cáo V. Lúc này, bà A chạy xe mô tô hai bánh mang biển số 84B1- 776.03 ngang qua bị cáo N đang đợi bị cáo V ở đầu hẻm rồi bà A cho xe chạy vào con hẻm để về nhà của mình. Khi đó, bị cáo V trong hẻm đi bộ ra do không tìm được tài sản. bị cáo V nhìn thấy bà A đang điều khiển xe mô tô vào, trên cổ bà A có đeo sợi dây chuyền vàng nên bị cáo V nảy sinh ý định giật sợi dây chuyền của bà A. Do đường hẻm hẹp nên bà A chạy xe chậm để bị cáo V đi qua. Khi bà A điều khiển xe ngang bị cáo V thì bị cáo V dùng tay giật lấy sợi dây chuyền vàng của bà A đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng chạy ra chỗ bị cáo N đợi. Bà A truy hô “cướp, cướp”. Khi đến chỗ bị cáo N, bị cáo V nhanh chóng lên xe để bị cáo N điều khiển xe chở đi tẩu thoát ra hướng Quốc lộ 53 rồi về hướng thành phố T. Lúc lên xe, bị cáo V nói cho bị cáo N biết việc bị cáo V giật được một sợi dây chuyền vàng của bà A và có đưa cho bị cáo N xem. bị cáo N không nói gì mà chở bị cáo V về nhà trọ của bị cáo V. Đến sáng ngày 23/9/2022, bị cáo V đưa

sợi dây chuyền cho vợ tên là Huỳnh Kim Lợi kêu bà Lợi đem sợi dây chuyền đi bán. Bà Lợi ra tiệm vàng ở chợ Trà Vinh (không rõ tên tiệm) bán được số tiền 10.008.000 đồng. Bị cáo V lấy 5.008.000 đồng, còn 5.000.000 đồng bị cáo V đưa cho bà Lợi để chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bị cáo N.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số 29/KL-ĐGTS ngày 08/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K (640), cân nặng 5,295 chỉ, với tổng số tiền 17.288.175 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Văn V 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính theo quyết định tổng hợp hình phạt với Bản án số 07/2023/HSST, ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính theo quyết định tổng hợp hình phạt với Bản án số 07/2023/HSST, ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2023, bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N thừa nhận án sơ thẩm xét xử về tội “*Cướp giật tài sản*” đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận: Khoảng 14 giờ, ngày 22/9/2022, tại hẻm thuộc ấp Đ, xã U, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo N dừng xe bên ngoài hẻm đợi còn bị cáo V đi bộ vào trong hẻm tìm tài sản để lấy và bị cáo V phát hiện bà A điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển số 84B1- 776.03 vào hẻm để về nhà, trên cổ bà A có đeo sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trọng lượng 5,295 chỉ, bị cáo V đã giật sợi dây chuyền của bà Đoàn Ngọc A bán chia nhau xài, Theo kết luận định giá tài sản sợi dây chuyền trị giá 17.288.175 đồng. Do đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N phạm tội “*Cướp giật tài sản*” quy định điểm i khoản

2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Mức hình phạt án sơ thẩm xử phạt bị cáo Thái Văn V 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Trí N 03 năm 06 tháng tù là đã đánh giá đúng tính chất vụ án, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt mới. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N giữ nguyên Bản án sơ thẩm của án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Lời nói sau của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N thừa nhận: Sau khi chấp hành án xong, không có việc làm nên bị cáo V và bị cáo N bàn bạc nhau đi tìm tài sản người khác để sơ hở lấy bán chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 14 giờ, ngày 22/9/2022, tại hẻm thuộc ấp Đ, xã U, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo N dừng xe bên ngoài hẻm đợi còn bị cáo V đi bộ vào trong hẻm tìm tài sản để lấy, bị cáo V phát hiện bà Đoàn Ngọc A điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển số 84B1- 776.03 vào hẻm để về nhà, trên cổ bà A có đeo sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trọng lượng 5,295 chỉ, bị cáo V đã giật sợi dây chuyền của bà Đoàn Ngọc A bán chia nhau xài. Theo kết luận định giá tài sản sợi dây chuyền trị giá 17.288.175 đồng. Do đó bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị xử lý. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015. Với tuổi đời và sức khỏe của các bị cáo, đáng lẽ ra các bị cáo tự lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống cho bản thân, giúp ích gia đình, góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt hơn, nhưng các bị cáo không làm được điều đó. Các bị cáo đều có tiền án, sau khi chấp hành xong án phạt tù về địa phương không lo làm ăn lành lao động, muốn có tiền tiêu xài, hai bị cáo bàn bạc rủ nhau đi tìm tài sản người khác để lấy bán chia nhau xài, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là xem thường pháp luật, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa

phương, thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật, do đó cần phải xử lý nghiêm.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có người thân tham gia cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo như bị cáo Nguyễn Trí N thuộc hộ cận nghèo, bị cáo Thái Văn V thuộc hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên tình tiết giảm nhẹ này không phải tình tiết đặc biệt mới. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Thái Văn V 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Trí N 03 năm 06 tháng là đã xem xét đánh giá một cách toàn diện, khách quan tính chất vụ án và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[5] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Thái Văn V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trí N thuộc diện hộ cận nghèo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Thái Văn V, bị cáo Nguyễn Trí N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thái Văn V 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị

cáo Nguyễn Trí N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 12, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Thái Văn V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Trí N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- TAND C;
- VKSND C;
- Cơ quan THAHS C;
- Cơ quan CSĐT C;
- Chi cục THADS C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến